

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hongfu Việt Nam.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 14/05/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt thành lập cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hongfu Việt Nam tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 09/12/2019; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 93/CV-HFVN ngày 27/5/2020 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hongfu Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 592/Tr-STNMT ngày 18/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hongfu Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Định Liên, xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.
3. Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải; Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo quy định.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Yên Định, Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hongfu Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Quán
Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Đầu tư
và Phát triển Hongfu Việt Nam.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

+ Người đại diện: Lo Huai Sung

+ Chức vụ: Chủ tịch công ty.

+ Địa chỉ: Lô CN 04, Khu công nghiệp Hoàng Long, phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất quy hoạch thuộc địa giới hành chính 2 xã Định Liên và Định Long, huyện Yên Định với tổng diện tích 742.344,98m² bao gồm các hạng mục: San nền; xây dựng nhà điều hành; trồng cây xanh; cấp nước; thoát nước mưa; thoát nước thải và vệ sinh môi trường; xây dựng trạm xử lý nước thải; đường giao thông; cấp điện, chiếu sáng; phòng cháy chữa cháy.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh là 8,25 m³/ngày (bao gồm: nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ và từ nhà vệ sinh); Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải xây dựng chủ yếu phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công, rửa xe phát sinh khoảng 10 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 82,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng dự án khoảng 13,54 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu bao bì xi măng; vật liệu rơi vãi; đất đào không tận dụng đắp,...

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 270kg trong cả quá trình thi công (18 tháng). Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy; dầu, mỡ thải,...

Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 542,9 kg trong quá trình thi công (18 tháng). Thành phần chủ yếu là dầu nhớt từ quá trình thay dầu máy móc, thiết bị phục vụ thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của cụm công nghiệp khoảng 824,08 m³/ngày.đêm. Trong đó: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt cán bộ tại khu nhà điều hành: 4,5 m³/ngày; nước thải phát sinh từ khu CN1, CN2 khoảng 209,38 m³/ngày.đêm; khu CN3 khoảng 203,28m³/ngày.đêm; khu CN4 khoảng 405,92m³.

- Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động xây dựng công trình của các nhà đầu tư thành viên; hoạt động sản xuất của các nhà máy thành viên, các công trình xử lý chất thải...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh tại dự án khoảng 1.215 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 18,13 tấn/ngày, phát sinh từ các quy trình sản xuất khác nhau của các nhà máy có tính chất đa dạng, phụ thuộc vào đặc điểm và tính chất của từng loại hình sản xuất cụ thể.

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại từ quá trình sản xuất bao gồm các loại chất thải dính dầu mỡ, chất thải chứa kim loại, chất thải từ các công đoạn sơn... có khối lượng ước tính khoảng 0,04 tấn/ngày.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải có khối lượng 902,38 m³/năm nếu không được thu gom xử lý sẽ là nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước và làm lây lan các dịch bệnh, gây mùi hôi thối, mất mỹ quan trong khu vực.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

*** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:**

- Không tập trung các loại vật liệu gần các mương thoát nước. Trong quá trình thi công, thường xuyên kiểm tra, nạo vét các tuyến kênh mương thoát nước tạm đảm bảo quá trình thoát nước tốt, không gây ngập úng. Che chắn khu vực thi công, phân luồng nước mưa chảy tràn, hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Che chắn không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần các nguồn nước, đồng thời quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải rửa tay chân được thu gom và xử lý bằng 03 hố lắng tạm ($V = 3,0 \text{ m}^3$). Nước thải sau khi xử lý sẽ thải ra tuyến mương B40 nằm phía Tây Nam khu vực dự án, giáp đường tránh QL 45.

- Nước thải nhà vệ sinh: Được thu gom bằng nhà vệ sinh di động (Số lượng: 10 nhà, $V = 400 \text{ lít/nhà}$). Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đem đi xử lý với tần suất 02 lần/ngày.

- Nước thải nhà ăn: Được thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm có thể tích $1,5 \text{ m}^3$. Nước thải sau khi xử lý sẽ thải ra mương thoát nước khu vực.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng được thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm thể tích 4 m^3 . Sau đó thải ra tuyến mương B40 nằm phía Tây Nam khu vực dự án, giáp đường tránh QL 45.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công, sử dụng xe xitec dung tích 5 m^3 để tưới nước làm ẩm khu vực thực hiện dự án, làm đến đâu, tưới ẩm đến đó; đặc biệt tại các khu giáp với tuyến đường Quốc lộ 45, tuyến đường liên xã,... và tại bãi chứa nguyên vật liệu (trừ xi măng) được tưới vào những hôm trời hanh, nắng. Nước dùng để làm ẩm được lấy từ kênh mương thủy lợi gần khu vực dự án.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án.

- Các máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực nghiệm nghiêm việc đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi công trường.

- Khu vực để vật liệu phải quét dọn sạch trước khi đưa vật liệu về bãi tập kết để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ...

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Rác thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng 30 lít (02 thùng), thùng nhựa composite 120 lít (02 thùng) đặt tại khu vực lán trại, hợp đồng với đơn vị thu gom rác địa phương thu gom đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Cát, đá rơi vãi được tận dụng làm vật liệu san lấp nền đường thi công. Đất đào bóc phong hóa được Công ty hợp đồng với Công ty TNHH XD Hào Ngân thu gom và vận chuyển đưa về bãi thải tại khu phố 3 thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa để xử lý.

- Các loại chất thải rắn như bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại: trang bị 04 thùng chuyên dụng 200 lít/thùng để thu gom (trong đó 03 thùng chứa dầu nhớt thải và 01 thùng chứa chất thải rắn nguy hại). Các thùng chứa chất thải nguy hại đều có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại để chờ đưa đi xử lý; lượng chất thải rắn nguy hại này được lưu trữ tạm tại khu vực riêng, theo mặt bằng khu lán trại (Khu vực này có mái che bằng tôn, nền cao tránh tác động do mưa, nắng...). Kết thúc quá trình thi công xây dựng đơn vị thi công hợp đồng với Đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm mức ồn tới mức thấp nhất.

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 18h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân (từ 11h30 đến 1h30).

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Đối với chủ dự án:**

- Bố trí hệ thống thoát mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng, thiết kế đồng bộ bố trí phù hợp với quy hoạch dựa trên cơ sở địa hình khu vực. Phân dòng hệ thống xử lý nước thải như sau:

+ Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống cống rãnh, qua các hố gas để lắng cặn được xả ra kênh phía Tây Nam CCN dự án, dẫn ra sông Cầu Chày.

+ Nước thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp được dẫn dòng đến hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 950m³/ngày.đêm bao gồm 3 modul, 02 modul có công suất 250m³/ngày.đêm, 01 modul có công suất 450m³/ngày.đêm; cụ thể như sau: Nước thải phát sinh từ khu CN1, CN2, khu nhà điều hành được thu gom, dẫn về module số 1 công suất 250m³/ngày.đêm; Nước thải từ khu CN3 được thu gom, dẫn về module số 2 công suất 250m³/ngày.đêm; Nước thải CN4 được thu gom, dẫn về module số 3 công suất 450m³/ngày.đêm, sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B), xả thải ra kênh phía Tây Nam CCN dự án và dẫn ra sông Cầu Chày.

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, công tơ điện đo điện độc lập; điểm xả có biển báo rõ ràng, sàn công tác có diện tích tối thiểu 01m², lối đi thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; có phương án, hạ tầng, phương tiện, thiết bị để ứng phó, khắc phục sự cố trong trường hợp hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung gặp sự cố. Lập hồ sơ xin cấp phép xả nước thải của Cụm công nghiệp vào nguồn tiếp nhận, trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt.

- Đặt ra quy định về hàm lượng các chất ô nhiễm đối với nước thải đầu ra của các nhà đầu tư thành viên trước khi vào HTXL nước thải tập trung. Yêu cầu các nhà đầu tư thành viên phải xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu về hàm lượng các chất ô nhiễm trước khi vào hệ thống XLNTTT theo quy định đặt ra. Trường hợp cơ sở phát sinh nước thải vượt quá khả năng tiếp nhận của hệ thống XLNTTT của cụm công nghiệp, Chủ đầu tư yêu cầu nhà đầu tư thành viên xây dựng hệ thống XLNT riêng để đảm bảo nước thải sau hệ thống xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

*** Đối với các nhà đầu tư thành viên:**

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo báo cáo ĐTM hoặc bản kế hoạch bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận, hoàn thành trước khi vận hành.

- Nước thải phải được xử lý theo điều kiện ghi trong văn bản thỏa thuận với đối với Ban quản lý khai thác hạ tầng kỹ thuật CCN trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ các nhà đầu tư thành viên trong Cụm công nghiệp chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý phải có hợp đồng xử lý nước thải với đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định hiện hành.

- Bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học. Cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường được tập huấn định kỳ hàng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

*** Đối với chủ dự án:**

- Đầu tư đồng bộ hệ thống đường giao thông trong CCN, tuân thủ cao độ, đảm bảo tỷ lệ cây xanh trồng theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Tuân thủ quy hoạch, phân khu chức năng cho từng nhóm ngành nghề sản xuất, kinh doanh trong CCN để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định.

- Sử dụng ô tô tưới nước 5m³ phun tưới nước trên các tuyến đường giao thông trong CCN với tần suất 2 lần/ngày.

- Thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải của các nhà máy thành viên theo quy định hiện hành.

- Yêu cầu các nhà máy thành viên, khu dịch vụ:

+ Căn cứ quy mô thực hiện lập hồ sơ, thủ tục về môi trường đối với dự án của mình; trong đó phải nêu rõ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn trong giai đoạn chuẩn bị; thi công và vận hành.

+ Trong quá trình hoạt động không tập trung rác thải sinh hoạt ra đường, vỉa hè trước giờ đổ rác, thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh khu vực khuôn viên; thu gom, quản lý chất thải rắn đúng nơi quy định; không phóng uế bừa bãi ra khu vực xung quanh;

+ Các thiết bị vận chuyển như xe tải, xe chở công ten nơ hải chở đúng trọng tải quy định, phủ bạt khi vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm rời có nguy cơ phát tán bụi, bảo dưỡng, bảo trì theo đúng quy định để đảm bảo xe hoạt động tốt, lượng khí thải của xe phải theo đúng quy định của Cục đường bộ Việt Nam.

*** Đối với các nhà đầu tư thành viên:**

- Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi khởi công xây dựng công trình. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn theo báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt.

- Khi xây dựng nhà xưởng phải có biện pháp thu gom, quản lý vật liệu; hạn chế rơi vãi, phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh; khi vận chuyển nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công dự án, yêu cầu nhà cung cấp phủ bạt kín, chở đúng tải trọng xe theo quy định.

- Bố trí tối thiểu 01 cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường để thực hiện các nội dung về trách nhiệm bảo vệ môi trường.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải riêng biệt có nắp đậy, thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, nước mưa.

- Không tập trung rác thải sinh hoạt ra đường, vỉa hè trước giờ đổ rác. Rác thải phải được thu gom triệt để hàng ngày và khi phát sinh mùi phải được phun chế phẩm vi sinh để giảm thiểu mùi hôi.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với chủ dự án:

+ Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý, xử lý chất thải rắn; giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn cho các nhà máy thành viên trong CCN.

+ Bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh do sinh hoạt của Ban quản lý CCN.

+ Kiểm tra việc thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam của các nhà máy thành viên trong CCN.

+ Đối với bùn cặn phát sinh từ các hồ gas, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bể xử lý nước thải tập trung của CCN, Ban quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật hợp đồng với Công ty có chức năng để nạo hút với tần suất 6 tháng/lần.

- Đối với các nhà đầu tư thành viên:

+ Phân loại, thu gom các loại chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng bán cho các cơ sở thu mua tái chế, chất thải rắn sản xuất thu gom vào các thùng chứa đặt tại kho lưu giữ trong nhà máy hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý. Chất thải rắn sinh hoạt (dễ phân hủy, không thể tái chế) đặt các thùng chứa có nắp đậy tại các khu vực phát sinh chất thải, khu vực nhà ăn để thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

+ Tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

3.2.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- Đối với chủ dự án:

+ Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý, xử lý chất thải nguy hại cho các nhà máy thành viên trong CCN; Giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại cho các nhà máy thành viên trong CCN.

+ Kiểm tra việc xử lý tuân thủ thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam của các nhà máy thành viên trong CCN.

- Đối với các nhà đầu tư thành viên:

+ Khai và đăng ký Chủ nguồn thải nguy hại với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

+ Thu gom chất thải nguy hại công nghiệp vào các thùng chứa quy định có dán nhãn. Bố trí kho chứa chất thải nguy hại đặt tại nơi thích hợp trong nhà

máy, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý, theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

*** Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn rung và nhiệt độ gồm:**

- Đối với chủ dự án:

Yêu cầu các nhà máy thành viên đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, có chỉ số kinh tế - kỹ thuật và định mức tiêu hao nhiên liệu tiên tiến, hạn chế tiếng ồn và độ rung; trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao, nhất là khi bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại khu vực sản xuất.

- Đối với các nhà đầu tư thành viên:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân: Quần áo, kính mắt, khẩu trang, nút tai chống ồn. Lắp đặt quạt thông gió tại các khu vực nhà xưởng.

+ Đầu tư lắp đặt hệ thống quạt thông gió, hệ thống làm mát tại nhà xưởng, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại Nhà máy thành viên.

+ Trồng cây xanh theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát chất lượng giai đoạn thi công xây dựng

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

4.1.1. Giám sát chất lượng khí thải

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn); Bụi, SO₂, CO, NH₃, H₂S, NO₂.

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm trung tâm khu đất dự án.

+ 01 mẫu tại cổng ra vào giáp đường tránh QL45.

+ 01 mẫu tại khu vực dân cư dọc tuyến đường QL45 đoạn cách dự án 700m về phía Tây Bắc.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 24: 2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

4.1.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, NH₄⁺ theo N, tổng dầu mỡ khoáng,

- Vị trí giám sát: 03 điểm nước thải tại hồ lắng.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

4.2. Giám sát chất lượng giai đoạn vận hành

4.2.1. Giám sát chất lượng khí thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn), Bụi, SO₂, CO, NH₃, H₂S, Benzen, Toluen, Xyclohexan..
- Vị trí giám sát: 6 vị trí.
 - + KK1; KK2, KK3: 03 vị trí tại các khu sản xuất trong Cụm công nghiệp.
 - + KK4; KK5; KK6: 03 mẫu tại 3 module khu vực HTXLNTTT trong Cụm công nghiệp.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
 - + QCVN 24: 2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
 - + Quyết định 3733/BYT - Về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

4.2.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Cu, Pb, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Vị trí giám sát: 3 vị trí
 - + NT1: 01 mẫu tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung modul 1.
 - + NT2: 01 mẫu tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung modul 2
 - + NT3: 01 mẫu tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung modul 3.
 - + NT4: 01 mẫu tại cửa xả thải ra kênh phía Tây Nam CCN dự án và dẫn ra sông Cầu Chày.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp;
 - + QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.